

- Về ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi kết hôn, bà và ông Q chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do ông Q thường xuyên uống rượu, thiếu chung thủy và không có trách nhiệm với vợ con, khi mâu thuẫn thì ông Q còn dùng vũ lực đánh bà. Năm 2019, do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông bà sống ly thân. Đến nay, bà H xác định khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Về con chung:

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2014 và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Ý kiến và quan điểm của bị đơn:* Ông Q xác nhận việc sống chung giữa ông và bà H không còn hạnh phúc nên trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý. Ông Q đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn ông Nguyễn Minh Q vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Minh Q có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H phát biểu quan điểm:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Q. Về con chung: Bà H và ông Q đã thống nhất được với nhau trong việc nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận giao trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng ông bà tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Q xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim H xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường X thể hiện bị đơn ông Q, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 27/40/18 đường H, phường X, Thành phố H và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H.

[1.2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim H và bị đơn – ông Nguyễn Minh Q có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B, Thành phố H cấp ngày 23/01/2014 có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Q và bà H là hợp pháp. Bà H xin ly hôn với ông Q do việc chung sống không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống. Bản tự khai ngày 15/9/2025 của ông Q cũng xác nhận giữa ông và bà H đã có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về con chung như sau: Căn cứ giấy khai sinh số 116, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B cấp ngày 06/6/2014 có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, ông Q và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2014. Tại bản tự khai ngày 15/9/2025, ông Q đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, thỏa thuận nuôi dưỡng con chung của bà H và ông Q phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Gia B trình bày tại bản khai ngày 06/8/2025. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà H, ông Q về thỏa thuận nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con bà H và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H và ông Q xác nhận không có.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, khi đó Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B, Thành phố H cấp ngày 23/01/2014 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2014. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà H. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H, ông Q xác định không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tiền án phí của bà H được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0060113 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố H). Bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà H và ông Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP. H;
- UBND phường X;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhật Minh



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP. H;
- UBND Phường 4, Quận 3;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

